

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC**

TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 08 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 5 năm 2023

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiên Việt và ông Vũ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-DS, ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Thế A, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị D trình bày:

Tôi và anh Phạm Thế A về chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc. Trong quá trình chung sống thì đến năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng bất đồng quan điểm. Thời gian gần đây anh Phạm Thế A thường xuyên không đi làm, không chăm lo làm ăn, không những thế còn ghen tuông vô cớ rồi đánh đập tôi. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thế A.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015. Sau khi ly hôn tôi nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thế A trình bày:

Tôi và chị D là vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị D trình bày. Lúc đầu êm ấm hạnh phúc nhưng vài năm trở lại đây thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chị D không tôn trọng tôi và kiểm soát gây sự với tôi, từ năm 2021 đến nay ngày càng căng thẳng. Vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân có căng thẳng. Tuy nhiên tôi muốn hàn gắn nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho chúng tôi ly hôn thì tôi nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị D đối với anh Phạm Thế A; Giao cháu Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015 cho chị Đinh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của con và chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung đối với anh Phạm Thế A. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức và quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Phạm Thế A theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Thế A vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Đinh Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Thế A chung sống với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Thế A cho rằng chị D không tôn trọng anh và kiếm cớ gây sự, từ năm 2021 đến nay ngày càng căng thẳng. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình...*”

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

... ”

Đối chiếu với quy định trên, lời khai của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án cũng như nguyên đơn cương quyết ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị D đối với anh Phạm Thế A.

[4]. Về con chung: Chị Đinh Thị D và anh Phạm Thế A có 02 con chung là Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015, hiện 02 cháu có nguyện vọng sống với chị D. Qua quá trình giải quyết đương sự thừa nhận, anh Phạm

Thế A làm nghề tự do, chị D là giáo viên, xét thấy chị D có thu nhập ổn định mong muốn được nuôi hai con chung và nguyện vọng các con muốn ở với chị D. Nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu nên cần giao con chung là Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Thế A có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Đình Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đình Thị D đối với anh Phạm Thế A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đình Thị D được ly hôn với anh Phạm Thế A.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Đình Thế N, sinh ngày 01/12/2008 và Phạm Thế A, sinh ngày 09/01/2015 cho chị Đình Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Thế A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Đình Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002381, ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp;
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký tên và đóng dấu**

Nguyễn Văn Khiêm